

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Bình.

Ông Lý Thanh Chiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Văn N (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01-01-1990 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê (thợ hồ); trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Phùng Thị C (chết); anh chị em ruột: 04 người (bị cáo thứ ba); Vợ tên Lê Thị C1 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2022). Tiền sự: Không có. T1 án: Có 01 tiền án: Vào ngày 16-9-2011 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-4-2015 và đã nộp án phí hình sự, chưa chấp hành án phí dân sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại (chưa xóa án tích).

Nhân thân: Vào ngày 22-6-2016 bị Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 26-4-2017 và đã nộp án phí vào năm 2017 (xóa án tích).

Bị cáo bị khởi tố ngày 14-8-2023 và bị tạm giữ từ ngày 11-8-2023 đến ngày 15-8-2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Tạm giam*” cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị hại*: Chị **Thạch Thị Bích N1**, sinh năm 2006. (*Vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Thạch Na R, sinh năm 1983. (*Vắng mặt*)

Cùng cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị **Lê Thị C1**, sinh năm 1996. (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng*: Chị Thạch Thị Chành Đ, sinh năm 2004. (*Vắng mặt*)

Cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 11-08-2023, bị cáo Đặng Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95B2-043.55 đi trên tuyến đường tỉnh lộ 938, hướng từ xã M, huyện M để đi ra thị xã N. Khi đến cổng Tam Sóc thuộc ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì N thấy em Thạch Thị Bích N1, sinh ngày: 14-02-2006, đăng ký thường trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng chở theo em Thạch Thị Chành Đ, sinh năm 2004, đăng ký thường trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đang lưu thông trên đường bằng xe mô tô (loại xe Wave), N1 ngồi trước điều khiển xe và có đeo một túi xách màu trắng trước hông trái, lúc này bị cáo nảy sinh ý định cướp giật tài sản nên bị cáo điều khiển xe từ phía sau vượt lên bên trái ngang với xe của N1 và ngay lập tức dùng tay phải giật lấy túi xách của N1, sau đó tăng ga bỏ chạy về hướng xã M đi thị xã N để về nhà. Trên đường về nhà bị cáo kiểm tra bên trong túi xách thì phát hiện có: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y16, màu đen, ốp lưng màu trắng, có dán hình các con vật nhỏ; ngoài ra trong túi xách còn có son môi, đồ kẹp tóc nhưng bị cáo chỉ lấy chiếc điện thoại, còn túi xách và các vật khác trong túi thì bị cáo không lấy mà ném bỏ trên đường đi (bị cáo không nhớ vị trí nào). Sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của chị Thạch Thị Bích N1 vào ngày 11-8-2023, Công an huyện M kết hợp Công an xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang mời bị cáo làm việc và tạm giữ phương tiện xe mô tô biển số 95B2-043.55 và chiếc điện thoại VIVO Y16. Đồng thời, ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Đặng Văn N để phục vụ công tác điều tra.

Qua làm việc bị cáo Đặng Văn N đã thừa nhận hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95B2-043.55 tiếp cận, nhanh chóng giật lấy túi xách của bị hại Thạch Thị Bích N1 đang đeo trên người rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Tại Bản kết luận giám định số 28/KL-HĐĐGTS ngày 16-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y16, ram 4GB, bộ nhớ trong 128GB, màu đen, mua vào tháng 02-2023 với giá 6.000.000 đồng

+ Giá khảo sát thị trường: 4.190.000 đồng.

+ Giá trị còn lại: 80%

+ Thành tiền: 3.352.000 đồng

Tổng giá trị tài sản được định giá vào thời điểm bị chiếm đoạt là 3.352.000 đồng (*ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ:

- 01 (Một) xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X- Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55, số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo Y16, ram 4GB, bộ nhớ trong 128GB, màu đen, số IMEL: 865717063314788 đã qua sử dụng, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, có hình biểu tượng các con vật (sau khi làm rõ Cơ quan điều tra Công an huyện M đã trả lại cho bị hại Thạch Thị Bích N1).

Riêng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 95B2 - 043.55 Cơ quan Điều tra tiếp tục chuyển đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú để đảm bảo xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS-MT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho chị Lê Thị C1 01 (Một) xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X- Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55, số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225 do chị Lê Thị C1 đứng tên chủ sở hữu.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về chăm sóc vợ con.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị C1 xin nhận lại chiếc xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X-Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55, số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225, với lý do: Chiếc xe này do chị đứng tên chủ sở hữu bằng cách mua trả góp, bị cáo không có đóng góp tiền mua xe, khi bị cáo lấy xe đi cướp giật tài sản thì chị không hề hay biết. Đồng thời chiếc xe này là phương tiện duy nhất để chị đi làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại chị Thạch Thị Bích N1 và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Thạch Na R, người làm chứng chị Thạch Thị Chành Đ. Xét thấy, việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử, cơ quan điều tra cũng đã tiến hành lấy lời khai của họ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, xét xử vắng mặt bị hại chị Thạch Thị Bích N1, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Thạch Na R và người làm chứng chị Thạch Thị Chành Đ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X-Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55 tiếp cận, nhanh chóng giật lấy túi xách của bị hại chị Thạch Thị Bích N1 đang đeo trên người rồi nhanh chóng tẩu thoát như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Tại Bản kết luận giám định số 28/KL-HĐĐGTS ngày 16-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y16, ram 4GB, bộ nhớ trong 128GB, màu đen, mua vào tháng 02-2023 vào thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.352.000 đồng (*ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Xét

thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Mặc dù bị cáo biết rõ tài sản của người khác bị cáo không có quyền sở hữu nhưng bị cáo đã lợi dụng lúc sơ hở của bị hại mà tiếp cận, nhanh chóng giật lấy túi xách của bị hại ngay trên đường phố rồi nhanh chóng tẩu thoát với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.352.000 đồng (*ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản là thủ đoạn nguy hiểm thuộc tình tiết định khung tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản chưa được xóa án tích và 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có cha là ông Đặng Văn T là người có công với cách mạng, bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể vào ngày 16-9-2011 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-4-2015 và đã nộp án phí hình sự, chưa chấp hành án phí dân sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nên việc truy tố đưa bị cáo ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để tuyên truyền, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng trong vụ án: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị C1 xin nhận lại chiếc xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X- Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55, số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225, với lý do: Chiếc xe này do chị đứng tên chủ sở hữu bằng cách mua trả góp, nguồn tiền là chị vay mượn của em chị, bị cáo không có đóng góp tiền mua xe, khi bị cáo lấy xe đi cướp giật tài sản

thì chị không hề hay biết, chiếc xe này là phương tiện duy nhất để chị đi lại và đi làm việc. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận không có đóng góp tiền mua xe, toàn bộ chi phí mua xe là do chị C1 tự trả góp, khi lấy xe đi thì chị C1 không biết bị cáo lấy xe để cướp giật tài sản của người khác. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại cho chị Lê Thị C1 chiếc xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X-Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55, số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[10] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú về mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đã nêu trong phần nội dung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2/ Tuyên phạt bị cáo Đặng Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-8-2023.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Lê Thị C1 chiếc xe mô tô tay ga nhãn hiệu HONDA - AIRBLADE màu Xanh, X-Đen, biển kiểm soát 95B2 - 043.55; số khung: RLHKF4106MZ605400, số máy: KF41E0131225.

5/ Về án phí: Bị cáo Đặng Văn N phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6/ Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- VKS huyện Mỹ Tú;
- CA huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Bị cáo; Bị hại, người đại diện bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

